

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra (sau đây gọi tắt Nghị định số 36/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn phương pháp điều tra, xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu của các vụ sản xuất trong điều kiện sản xuất bình thường không có thiên tai, dịch bệnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sản xuất, kinh doanh cá Tra nguyên liệu tại Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu thực tế.

Thực hiện điều tra, khảo sát và tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát để xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu thực tế phải dựa trên những nguyên tắc sau:

1. Trình độ và điều kiện sản xuất, cụ thể là quy mô sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện cung ứng vật tư; số lượng, trình độ lao động; những khó khăn, thuận lợi trong quá trình sản xuất sản phẩm;

2. Bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất thực tế của các cơ sở nuôi cá Tra; phù hợp với các chế độ chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật cá Tra thì căn cứ vào các chi phí thực tế hợp lý phát sinh để điều tra, tính toán;

3. Tài liệu ghi chép, phỏng vấn, điều tra, xác minh trực tiếp từ cơ sở nuôi

và người lao động;

4. Số liệu thống kê tối đa trong 03 năm liền kề;

5. Giá thị trường tại thời điểm hoặc gần nhất với thời điểm cần xác định chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra nguyên liệu.

6. Chi phí sản xuất quy về cho một hecta (đồng/ha mặt nước nuôi). Mỗi khoản mục chi phí sản xuất để tính giá thành cá Tra nguyên liệu phải được phân tích, xác định rõ về số lượng, giá trị, thời gian và địa điểm chi ra.

7. Đơn vị tính năng suất cá Tra nguyên liệu thống nhất tấn/ha mặt nước nuôi.

8. Đơn vị tính giá thành cá Tra nguyên liệu là đồng (VNĐ) cho một kg (đồng/kg) và được xác định tại nơi sản xuất.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phương pháp điều tra, khảo sát và tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát

1. Phương pháp điều tra, khảo sát

a) Áp dụng phương pháp chọn mẫu điển hình suy rộng để chọn đối tượng khảo sát, cụ thể:

Chọn vùng (hoặc địa bàn) khảo sát trong tỉnh: gồm tối thiểu 3 huyện/tỉnh

Chọn vùng (hoặc địa bàn) khảo sát trong huyện: gồm tối thiểu 3 xã/huyện.

Việc chọn các vùng khảo sát trên phải bảo đảm tiêu chí chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn đại diện cho ba vùng thực tế có nuôi cá Tra, gồm: vùng có điều kiện nuôi thuận lợi, vùng có điều kiện nuôi trung bình, vùng có điều kiện nuôi khó khăn.

Chọn đối tượng khảo sát là cơ sở nuôi cá Tra thuộc vùng khảo sát thuộc địa bàn xã được lựa chọn nói trên để khảo sát thu thập số liệu. Mỗi địa bàn xã cần chọn tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra theo tiêu chí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn đại diện cho ba nhóm cơ sở nuôi cá Tra (mỗi nhóm chiếm khoảng 33% của tổng số cơ sở nuôi được lựa chọn): gồm nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất cao, nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất trung bình và nhóm cơ sở nuôi cá Tra có năng suất dưới trung bình, có kết hợp với các tiêu chí về chất lượng cá Tra.

Đối với các địa phương không có tối thiểu 03 huyện/tỉnh, 03 xã/huyện và tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra trên mỗi địa bàn xã thì điều tra, khảo sát tổng thể số cơ sở nuôi cá Tra thực tế trên địa bàn.

b) Áp dụng phương pháp tổng hợp số liệu ghi chép ban đầu, phương pháp phỏng vấn hồi tưởng của cơ sở nuôi kết hợp với xác minh thực tế điều kiện sản xuất kinh doanh, tình hình thị trường và đối chiếu với các định mức kinh tế - kỹ thuật trong vùng (hoặc địa bàn) khảo sát theo quy định (nếu có).

c) Áp dụng phương pháp so sánh, đối chiếu: So sánh, đối chiếu kết quả điều tra thực tế với các số liệu thống kê, giá thị trường tại thời điểm hoặc gần nhất với thời điểm cần xác định chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra.

Trường hợp chi phí vật chất, công lao động có giá thị trường thì lấy theo giá thị trường. Nếu không xác định được giá thị trường thì lấy giá trung bình

giữa số liệu thống kê tối đa 3 năm liền kề trước và giá bình quân của các cơ sở nuôi được điều tra, phỏng vấn cung cấp.

2. Phương pháp tổng hợp số liệu

a) Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát trong một xã

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Cộng dồn từng yếu tố chi phí đã chỉ ra cho sản xuất cá Tra của tất cả các cơ sở nuôi được điều tra thành mức tổng chi phí sản xuất sau đó chia (:) cho tổng diện tích cộng dồn của các cơ sở nuôi được điều tra tương ứng để tìm mức chi phí sản xuất bình quân của từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí chung tính cho mỗi hecta nuôi cá Tra.

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Cộng dồn sản lượng cá Tra nguyên liệu của tất cả các cơ sở nuôi được điều tra thành mức tổng sản lượng sau đó chia (:) cho tổng diện tích cộng dồn của các cơ sở nuôi được điều tra tương ứng để tìm ra mức năng suất bình quân chung cho một hecta. Sau đó lấy chi phí sản xuất bình quân của một hecta chia (:) cho năng suất bình quân một hecta để tìm ra giá thành bình quân cho một kilôgam cá Tra nguyên liệu.

b) Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát trong một huyện

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của từng xã cộng lại chia cho số xã khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng xã cộng lại chia bình quân.

c) Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát trong một tỉnh

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của từng huyện cộng lại chia số huyện khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng huyện cộng lại chia bình quân.

d) Đối với các địa phương không có tối thiểu 03 huyện/tỉnh, 03 xã/huyện, tối thiểu 10 cơ sở nuôi cá Tra trên mỗi địa bàn xã thì tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát như sau:

- Tổng hợp chi phí sản xuất: Lấy kết quả tính toán chi phí sản xuất bình quân của toàn địa bàn cộng lại chia số địa bàn khảo sát (từng yếu tố chi phí và tổng mức chi phí cho một hecta).

- Tổng hợp giá thành một đơn vị sản phẩm: Lấy kết quả tính toán giá thành sản phẩm bình quân của từng địa bàn cộng lại chia bình quân.

Điều 5. Tính năng suất thực tế thu hoạch và chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

1. Năng suất thu hoạch thực tế

Năng suất thu hoạch cá Tra nguyên liệu thực tế được xác định như sau:

$$\text{Năng suất thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (W)} = \frac{\text{Sản lượng thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (Q)}}{\text{Diện tích thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu (S)}}$$

Khi tính năng suất thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu cần tập hợp từ số sách ghi chép và phỏng vấn trực tiếp cơ sở sản xuất; kết hợp xem xét số liệu thống kê về năng suất các vụ liền kề của cơ quan thống kê và xem xét mối quan hệ giữa suất đầu tư với năng suất cá Tra với định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định (nếu có) và kinh nghiệm theo dõi thực tế nhiều năm của các cơ quan nông nghiệp, thống kê...

2. Tính chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

Chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu được xác định theo yếu tố chi phí như bảng sau:

Bảng 1. Bảng tính chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
I	Chi phí vật chất	C_{VC}
1	Chi phí cá Tra giống	
2	Chi phí thức ăn	
3	Chi phí thuốc, hóa chất	
4	Chi phí cải tạo ao	
5	Chi phí thuê ao (nếu có)	
6	Chi phí khấu hao TSCĐ	
7	Chi phí thu hoạch	
8	Chi phí lãi vay ngân hàng	
9	Chi phí khác (nếu có)	
II	Chi phí lao động	C_{LD}
III	Các khoản được hỗ trợ (nếu có)	HT
	Tổng chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu ($C_{VC}+C_{LD}$) - HT	TC

Nội dung từng khoản chi phí trên được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

a) Chi phí vật chất (C_{VC}) là toàn bộ chi phí vật chất thực tế, hợp lý phát sinh trong một vụ sản xuất bao gồm chi phí cá Tra giống, chi phí thức ăn, chi phí thuốc, hóa chất, chi phí cải tạo ao, chi phí thuê ao (nếu có), chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thu hoạch, chi phí lãi vay ngân hàng, chi phí khác (nếu có). Cách xác định như sau:

- Chi phí cá Tra giống

Chi phí cá Tra giống là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh mà cơ sở nuôi cá Tra đã chi ra để mua cá Tra giống:

Chi phí cá Tra giống = Số lượng cá Tra giống x Đơn giá cá Tra giống

Trong đó:

+ Số lượng cá Tra giống: được xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định (nếu có). Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật tính theo thực tế cơ sở nuôi phát sinh.

+ Đơn giá cá Tra giống: Tùy loại giống theo tiêu chuẩn quy định (nếu có) được nuôi được xác định theo nguyên tắc phải phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua bao gồm: giá mua thực tế của các cơ sở sản xuất giống; thông báo giá của các Công ty giống đang sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương; giá mua trên thị trường và tính thêm chi phí vận chuyển về các cơ sở nuôi cá Tra (nếu có).

Trường hợp cơ sở nuôi tự sản xuất giống thì tính theo giá thị trường hoặc giá mua bán lẫn nhau của các cơ sở sản xuất.

- Chi phí thức ăn

Chi phí thức ăn là toàn bộ chi phí thức ăn thực tế phát sinh mà cơ sở nuôi cá Tra đã chi ra để mua thức ăn từ khi thả cá đến khi thu hoạch cá.

Chi phí thức ăn = Số lượng thức ăn x Đơn giá thức ăn

Trong đó:

+ Số lượng thức ăn được xác định tổng hợp qua chứng từ, hóa đơn, giấy biên nhận khi cơ sở nuôi mua, thông qua ghi chép vào sổ sách theo dõi hoặc thông qua hồi tưởng của cơ sở nuôi tại thời điểm đầu tư.

+ Đơn giá thức ăn được xác định theo giá thực mua phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua và chi phí vận chuyển về cơ sở nuôi cá (nếu có).

+ Chất lượng thức ăn theo tiêu chuẩn quy định (nếu có). Trường hợp chưa có tiêu chuẩn theo thực tế phát sinh của cơ sở nuôi.

- Chi phí thuốc, hóa chất

Chi phí thuốc, hóa chất được xác định trên cơ sở số lượng thuốc, hóa chất và đơn giá thuốc, hóa chất

Chi phí thuốc, hóa chất = Số lượng thuốc, hóa chất x Đơn giá thuốc, hóa chất

Trong đó:

+ Số lượng thuốc, hóa chất được xác định tổng hợp qua sổ sách ghi chép, chứng từ, hóa đơn, giấy biên nhận khi cơ sở nuôi mua, thông qua ghi chép vào sổ sách theo dõi hoặc thông qua hồi tưởng của cơ sở nuôi tại thời điểm đầu tư.

+ Đơn giá thuốc, hóa chất được xác định theo giá thực mua phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua và tính thêm chi phí vận chuyển về các cơ sở nuôi cá (nếu có).

- Chi phí cải tạo ao

Chi phí cải tạo ao là toàn bộ chi phí thực tế hơn kỹ phát sinh mà cơ sở

như chi phí dọn cỏ quanh ao, chi phí bơm cạn nước và hút bùn đáy ao, chi phí bón vôi, diệt tạp...phù hợp với giá thị trường tại thời điểm cải tạo ao.

Trường hợp cơ sở nuôi phải đi thuê máy bơm nước thì tính theo giá thực thuê, phù hợp với mặt bằng thị trường tại thời điểm nuôi cá.

Trường hợp cơ sở nuôi sử dụng máy bơm nước tự có, cần xác minh máy chạy xăng hay máy chạy dầu. Trên cơ sở đó, xác định số nhiên liệu tiêu hao và đơn giá nhiên liệu tại thời điểm cải tạo ao để tính chi phí nhiên liệu đã bỏ ra cho công việc này.

- Chi phí thuê ao

Chi phí thuê ao là chi phí thực tế cơ sở nuôi phải chi ra để thuê mặt nước nuôi trong một vụ nuôi cá Tra. Chi phí thuê ao của các cơ sở nuôi được xác định thông qua hợp đồng kinh tế hoặc thỏa ước kinh tế giữa cơ sở đi thuê và tổ chức, cá nhân cho thuê. Trường hợp, các cơ sở nuôi cá Tra không phải thuê ao thì không tính khoản chi phí này.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định áp dụng cho doanh nghiệp.

Khi tính chi phí khấu hao TSCĐ cần tiến hành phân loại TSCĐ ra từng nhóm, từng loại theo nguyên tắc có dùng có tính, không dùng không tính và không tính khấu hao các tài sản phục vụ nhu cầu khác để phân bổ cho sản xuất cá Tra. Trường hợp cơ sở nuôi thuê tài sản cố định để phục vụ sản xuất thì tính theo giá thuê thực tế tại thời điểm đầu tư.

- Chi phí thu hoạch

Chi phí thu hoạch là toàn bộ chi phí thực tế, hợp lý phát sinh mà cơ sở nuôi cá đã chi ra để thu hoạch cá Tra trong một vụ nuôi như chi phí kéo lưới, bắt cá, vận chuyển, thuê đội thu hoạch...phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thu hoạch.

- Chi phí lãi vay ngân hàng

Là toàn bộ tiền lãi vay của tổng số vốn vay thực tế cho sản xuất cá Tra mà cơ sở nuôi phải chi trả cho một vụ sản xuất.

Đối với trường hợp cơ sở nuôi vay từ ngân hàng, tiền lãi vay tính căn cứ theo số tiền vay, lãi suất cho vay và thời gian vay tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa cơ sở nuôi với Ngân hàng Thương mại tại địa phương mà cơ sở nuôi vay vốn. Đối với trường hợp cơ sở nuôi vay vốn từ nguồn khác (vay cá nhân, đại lý vật tư bán nợ tính lãi, vay lãi, vay của hợp tác xã nông nghiệp) tiền lãi vay được tính tối đa theo lãi suất cho vay năm của Ngân hàng Thương mại tại địa phương và tại thời điểm mà cơ sở nuôi vay vốn.

Trường hợp cơ sở nuôi vay tiền ngân hàng để sử dụng vào mục đích khác, khoản chi phí này không được tính vào chi phí sản xuất cá Tra.

- Chi phí khác

Bao gồm các khoản chi phí thực tế, hợp lý khác phát sinh liên quan đến một vụ nuôi cá Tra ngoài các chi phí đã được nêu trên như quản lý, dụng cụ cho

ăn, chứng nhận tiêu chuẩn...

b) Chi phí lao động (C_{LD})

Là toàn bộ các chi phí tiền công lao động thực tế, hợp lý phát sinh gồm các công (thả cá, cải tạo ao, tẩy rửa ao, cho ăn, làm cỏ quanh bờ, vận chuyển, thu hoạch, công khác) mà cơ sở nuôi đã chi ra trong một vụ nuôi, phù hợp với giá công lao động trên thị trường tại thời điểm thuê lao động.

Các khoản chi đã hạch toán vào chi phí vật chất thì không tính vào mục chi này.

Chi phí lao động = Số lượng ngày công x Đơn giá ngày công

Trong đó:

- Xác định ngày công cho từng loại công việc:

Xác định số lượng ngày công lao động đã đầu tư thực tế: Do số lượng thời gian lao động đã bỏ ra cho từng loại công việc, từng khâu khác nhau trong một ngày nên cần phải quy về ngày lao động 8 giờ (ngày công tiêu chuẩn).

Phương pháp quy đổi như sau:

$$V_{TC} = V_n \times \frac{T_t}{T_Q}$$

Trong đó: - V_{TC} là ngày công tiêu chuẩn;

- V_n là ngày công thực tế đầu tư;

- T_t là thời gian (số giờ) làm việc thực tế trong ngày công do cơ sở nuôi hồi tưởng (hoặc ghi chép);

- T_Q là thời gian quy chuẩn 8 giờ/ngày công.

Ví dụ: - Trường hợp cơ sở sản xuất thực tế sản xuất 6 giờ một ngày công thì cách quy về ngày công 8 giờ như sau:

$$V_{TC} = 1 \times \frac{6}{8} = 0,75 \text{ ngày công}$$

- Trường hợp cơ sở sản xuất thực tế sản xuất 12 giờ một ngày công thì cách quy về ngày công 8 giờ như sau:

$$V_{TC} = 1 \times \frac{12}{8} = 1,5 \text{ ngày công}$$

Cách xác định số lượng ngày công thực tế để quy đổi như sau:

Trường hợp đã có định mức ngày công lao động trong định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định thì thực hiện theo định mức.

Trường hợp chưa có các định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định thì căn cứ vào kết quả điều tra ngày công thực tế cơ sở nuôi đã đầu tư, hoặc số liệu thống kê gần nhất

- Xác định đơn giá tiền công:

Cơ sở nuôi cá Tra đi thuê lao động sản xuất hoặc công tự làm thì đơn giá công lao động tính theo giá thuê thực tế trên thị trường phù hợp từng khâu công việc tại thời điểm sản xuất cá Tra.

c) Các khoản được hỗ trợ (nếu có)

Trường hợp cơ sở nuôi được hỗ trợ cho sản xuất cá Tra theo các quy định của Nhà nước thì phải trừ đi khoản chi phí này để tính giá thành cá Tra nguyên liệu.

Cơ sở sản xuất không được hỗ trợ thì không tính để loại trừ.

Điều 6. Phương pháp tính giá thành cá Tra nguyên liệu

Giá thành cá Tra nguyên liệu được xác định theo công thức sau:

$$Z = \frac{TC}{W}$$

Trong đó: - Z là Giá thành sản xuất một kg cá Tra;

- TC là Tổng chi phí sản xuất thực tế cá Tra nguyên liệu trên một ha mặt nước;

- W là Năng suất thực tế thu hoạch cá Tra nguyên liệu.

Giá thành bình quân cá Tra nguyên liệu để làm cơ sở xác định giá sản cá Tra nguyên liệu được tính bằng trung bình cộng giá thành cá Tra nguyên liệu của các tỉnh.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo nội dung của Thông tư này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giám sát việc tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về điều tra chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này định kỳ ít nhất 02 (hai) lần/năm chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, khảo sát chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra nguyên liệu; tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát theo phụ lục kèm theo. Đồng thời, gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi vào ngày 1/6 và ngày 1/12 hàng năm và Hiệp hội cá Tra Việt Nam để tổng hợp, công bố giá sản cá Tra nguyên liệu theo quy định tại Nghị định số 36/2014/NĐ-CP.

4. Hiệp hội cá Tra Việt Nam

Tổng hợp, công bố giá sản cá Tra nguyên liệu cho các thương nhân xuất khẩu cá Tra thu mua cá Tra nguyên liệu. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương về tình hình nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu, giá cá Tra nguyên liệu và giá cá Tra xuất khẩu.

5. Cơ sở nuôi cá Tra

Cung cấp đầy đủ thông tin trung thực về diện tích thực tế, năng suất thực tế và chi phí thực tế trong sản xuất cá Tra nguyên liệu khi được điều tra, khảo sát, phỏng vấn.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho việc khảo sát, điều tra xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu áp dụng theo các quy định hiện hành về việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra được chi từ ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

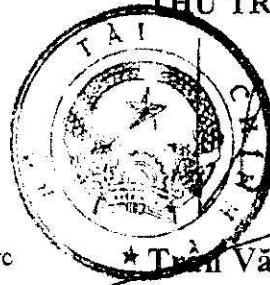
Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- TAND tối cao, VKSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam;
- Hiệp hội cá Tra Việt Nam;
- Website Bộ TC;
- Lưu: VT, QL (6).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



★ Trần Văn Hiếu

PHỤ LỤC

Biểu mẫu điều tra, khảo sát, xác định chi phí sản xuất và tính giá thành cá Tra nguyên liệu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 198/2014/TT-BTC ngày 18
tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Họ và tên chủ cơ sở nuôi:

Thôn/ấp:

Xã:

Huyện:

Tỉnh:

Tổng số lao động tại cơ sở nuôi:.....người, trong đó: chuyên môn về nuôi
trồng thủy sản:....người, chuyên môn khác:....người, lao động phổ
thông:....người

Diện tích mặt nước nuôi cá thực tế của cơ sở nuôi:.....ha

Diện tích xác định chi phí sản xuất, tính giá thành cá Tra nguyên liệu
thống kê theo biểu mẫu dưới đây:.....hecta.

STT	Khoản mục	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Chi phí vật chất 1 ha mặt nước nuôi	đồng			
1	Cá Tra giống	con			
2	Chi phí thức ăn	kg			
3	Thuốc, hóa chất	kg/lít (liều)			
4	Chi phí cải tạo ao				
	- Xăng, dầu, điện năng (*)	Lít (Kw)			
	- Thuê bơm (**)	đồng			
	- Hút bùn	đồng			
5	Chi phí thuê ao (nếu có)	Đồng			
6	Chi phí khấu hao TSCĐ	đồng			
7	Chi phí thu hoạch (kéo lưới, đánh bắt, vận chuyển) (***)	đồng			
8	Chi phí lãi vay ngân hàng	đồng			
9	Chi phí khác (nếu có)	đồng			

II	Chi phí nhân công	công			
	- Thả cá	công			
	- Cho ăn	công			
	- Tẩy rửa ao	công			
	- Cải tạo ao	công			
	- Làm cỏ quanh bờ	công			
	- Bơm nước	công			
	- Công khác	công			
III	Các khoản được hỗ trợ (nếu có)	đồng			
IV	Tổng chi phí sản xuất 1 ha mặt nước nuôi (I+II-III)	đồng			
V	Năng suất 1 ha mặt nước nuôi	tấn			
VI	Giá thành sản xuất (IV:V)	đồng/kg			

Ghi chú:

- (*) và (**): Nếu thuê bơm nước khoán gọn theo diện tích hoặc theo giờ thì không tính công lao động bơm nước vào mục chi phí lao động.

- (***) : Nếu thuê đội đánh bắt, thu hoạch cá thì không tính công kéo lưới, đánh bắt và vận chuyển.